|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 423 /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 11 năm 2016* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua điều chỉnh Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006- 2020; Quyết định số 57/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011- 2020; Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 29/10/2016 về chuẩn bị kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh khóa XVII; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, với các nội dung chính sau:

**I. Sự cần thiết phải điều chỉnh.**

Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 16/01/2008; đến nay, sau 8 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Tuy vậy, hiện nay các cơ chế chính sách, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch kinh tế ngành có nhiều thay đổi, đã tác động trực tiếp đến việc triển khai thực hiện các nội dung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh đã qua 4 lần rà soát, điều chỉnh, đặc biệt năm 2012 đã kiểm kê lại rừng nên số liệu hiện trạng rừng, quy hoạch 3 loại rừng đã biến động lớn, các chỉ tiêu quy hoạch đã duyệt không còn phù hợp với thực tiễn. Để Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo phù hợp với các định hướng của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh, các quy hoạch có liên quan, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn, việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch là hiết sức cần thiết.

**II. Điều chỉnh diện tích quy hoạch 3 loại rừng.**

**1. Đưa ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp:** Diện tích 1.814,5ha, trong đó rừng tự nhiên 292,6ha; rừng trồng 768,6ha; đất chưa có rừng 355,1ha và đất khác 398,2ha.

**2. Bổ sung vào quy hoạch 3 loại rừng:** Diện tích 1.546,9ha, trong đó rừng tự nhiên 40,9ha; rừng trồng 1.470,2ha; đất chưa có rừng 35,8ha, gồm:

- Bổ sung vào đối tượng quy hoạch rừng sản xuất: Diện tích 1.393,2ha, trong đó rừng tự nhiên 40,9ha, rừng trồng 1.339,9ha, đất chưa có rừng 12,4ha.

- Bổ sung vào đối tượng quy hoạch rừng phòng hộ: Diện tích 153,7ha, trong đó rừng trồng 130,3ha và đất chưa có rừng 23,4ha.

**3. Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng:** Tổng diện tích quy hoạch rừng phòng hộ điều chỉnh sang quy hoạch rừng sản xuất là 1.268,9ha; trong đó rừng tự nhiên 233,8ha; rừng trồng 671,3ha; đất chưa có rừng 215,8ha và đất khác 148,0ha.

**4. Diện tích 3 loại rừng sau bổ sung và điều chỉnh:**

Tổng diện tích 360.703ha, trong đó rừng tự nhiên 218.259ha, rừng trồng 95.175ha, đất chưa có rừng 40.632ha và đất khác 6.637ha, quy hoạch theo 3 loại rừng như sau:

- Quy hoạch rừng đặc dụng: Tổng diện tích 74.509ha, trong đó rừng tự nhiên 73.311ha, rừng trồng 616ha, đất chưa có rừng 582ha.

- Quy hoạch rừng phòng hộ: Tổng diện tích 113.218ha, trong đó rừng tự nhiên 80.806ha, rừng trồng 22.015ha, đất chưa có rừng 9.658ha và đất khác 739ha.

- Quy hoạch rừng sản xuất: Tổng diện tích 172.976ha, trong đó rừng tự nhiên 64.143ha, rừng trồng 72.544ha, đất chưa có rừng 30.391ha và đất khác 5.898ha.

**III. Nội dung điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng**

**1. Mục tiêu, nhiệm vụ:**

*- Mục tiêu đến năm 2020*: Độ che phủ của rừng ổn định 52%, chất lượng của rừng tự nhiên và rừng trồng ngày càng được cải thiện; đưa sản lượng gỗ rừng trồng khai thác hàng năm 800.000m3, trong đó trồng rừng tập trung thâm canh đạt khoảng 700.000 m3/năm, năng suất bình quân đạt 15 m3/ha/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân là 12%; giá trị trị sản xuất lâm nghiệp chưa qua chế biến đạt khoảng 2.500 tỷ đồng, xuất khẩu đạt khoảng 70 triệu USD/năm; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 70.000 lao động, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo cho nông dân miền núi; nâng cao nhận thức cho người dân sống gần rừng tham gia vào việc bảo vệ môi trường sinh thái.

*- Nhiệm vụ:* Quản lý, bảo vệ và phát triển ổn định lâm phận của tỉnh với quy mô 343.674ha vào năm 2020 (giảm 17.028ha do chuyển sang mục đích khác), trong đó 74.330ha rừng đặc dụng, 112.928ha rừng phòng hộ và 156.416ha rừng sản xuất. Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng rừng, đất rừng, đặc biệt là rừng sản xuất cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

**2. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng:**

*2.1. Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạng mục** | **Năm 2015**  **(sau điều chỉnh, bổ sung) (ha)** | **Năm 2020 (ha)** | **Cơ cấu năm 2020 (%)** | **Tăng (+), giảm (-)**  **(ha)** |
|
| **Tổng DT tự nhiên** | **599.031** | **599.031** | **100,00** |  |
| **Tổng DT lâm nghiệp** | **360.703** | **343.674** | **57,37** | **-17.028** |
| - Có rừng | 313.435 | 312.921 | 52,24 | -514 |
| + Rừng tự nhiên | 218.259 | 218.390 | 36,46 | 130 |
| + Rừng trồng | 95.175 | 94.531 | 15,78 | -644 |
| - Đất chưa có rừng | 40.632 | 24.878 | 4,15 | -15.753 |
| - Đất khác | 6.637 | 5.875 | 0,98 | -761 |
| ***1. Rừng đặc dụng*** | **74.509** | **74.330** | **12,41** | **-179** |
| ***2. Rừng phòng hộ*** | **113.218** | **112.928** | **18,85** | **-290** |
| ***3. Rừng sản xuất*** | **172.976** | **156.416** | **26,11** | **-16.560** |

*2.2. Bảo vệ rừng*

Quy hoạch bảo vệ rừng từ nay đến năm 2020: Tổng diện tích rừng bảo vệ 308.349 ha/năm, trong đó rừng đặc dụng 73.926 ha/năm, rừng phòng hộ 101.345 ha/năm và rừng sản xuất 133.078 ha/năm.

*2.3. Phát triển rừng*

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 4.365 ha/năm, trong đó rừng đặc dụng 27 ha/năm, rừng phòng hộ 2.272 ha/năm và rừng sản xuất 2.066 ha/năm; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung 3.793 ha/năm, trong đó rừng đặc dụng 103 ha/năm, rừng phòng hộ 1.610 ha/năm và rừng sản xuất 2.080 ha/năm.

- Trồng mới: 7.969ha, bình quân 1.594ha gồm: rừng đặc dụng 212ha, rừng phòng hộ 2.425ha, rừng sản xuất 5.332ha.

- Trồng nâng cấp cho rừng phòng hộ1.448ha

- Trồng rừng sản xuất sau khai thác rừng trồng 35.000ha, bình quân 7.000 ha/năm

- Trồng rừng bán ngập nước diện tích khoảng 550ha.

- Mỗi năm trên địa bàn toàn tỉnh trồng thêm 04 triệu cây phân tán.

##### - Cây cao su: Phát triển thêm khoảng 2.757ha để đưa diện tích cao su đứng đạt 13.477ha vào năm 2020.

- Cải tạo rừng sản xuất 1.548ha, bình quân 310 ha/năm.

- Làm giàu rừng 585ha, bình quân 117 ha/năm.

*2.4. Khai thác*

- Khai thác rừng trồng tập trung 35.000ha bình quân 7.000 ha/năm, sản lượng 3.500.000m3 bình quân 700.000 m3/năm

- Khai thác rừng trồng phân tán toàn giai đoạn là 10 triệu cây, tương đương 5.000ha, sản lượng 500.000m3; bình quân mỗi năm khai thác 100.000m3.

- Khai thác lâm sản ngoài gỗ bao gồm: Song, mây 15.000 tấn, bình quân 3.000 tấn/năm; nhựa thông 5.000 tấn, bình quân 1.000 tấn/năm; mủ cao su 27.500 tấn, bình quân 5.500 tấn/năm; khai thác tre nứa 1.2 triệu cây/năm và các loài thực phẩm dược liệu.

Ưu tiên sử dụng gỗ và các lâm sản từ gỗ khai thác được cho các cơ sở chế biến trong tỉnh.

*2.5. Chế biến lâm sản*

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch chế biến lâm sản được phê duyết tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư xây dựng mới các cơ sở sản xuất gồm: một nhà máy chế biến ván MDF trên tuyến đường Hồ Chí Minh và một nhà máy ở Khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh với công suất mỗi nhà máy dự kiến 150.000m3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 75.000m3/năm trở lên. Hình thành các khu chế biến gỗ tập trung tại các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

**3. Tổng hợp vốn đầu tư:**

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng toàn kỳ dự kiến 2.217.791 triệu đồng.

- Nguồn vốn: vốn ngân sách 436.746 triệu đồng, trong đó trong đó vốn địa phương 43.675 triệu đồng và vốn trung ương 393.071 triệu đồng; vốn tín dụng: 1.246.732 triệu đồng; vốn tự có: 178.104 triệu đồng; vốn nước ngoài: 356.209 triệu đồng.

**4. Các nội dung khác**: Có Báo cáo điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng kèm theo.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 (có dự thảo Nghị quyết và Báo cáo điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng kèm theo).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Các Đại biểu HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;  - Lưu: VT, TH, TKCT, NL2, NL.  Gửi: Văn bản giấy và điện tử. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  ***(đã ký)***  **Đặng Ngọc Sơn** |